TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/DS-ST
Ngày: 28/12/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Khắc Hiếu.

2/ Bà Võ Thị Hồng Trà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2018/TLST- DS ngày 22/3/2018, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐDS-ST ngày 16/11/2021, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T; nơi cư trú: đường N, Phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Minh T, sinh năm 1975; trú tại: đường N, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ *Bị đơn*:

* Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1973; Địa chỉ: đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

* Bà Võ Thị Thanh Th; Địa chỉ liên lạc: Khu phố N, Phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/02/2016, vợ chồng ông Đặng Ngọc T và bà Võ Thị Thanh Th có mượn số tiền là 200.000.000đ và 06 cây vàng SJC 9999, đến ngày 21/3/2016, vợ chồng ông T, bà Th tiếp tục mượn của tôi số tiền là 150.000.000 đồng để lo kinh tế gia đình. Tổng cộng 2 lần là 350.000.000đ và 06 cây vàng SJC 9999. Thời điểm đó bà Th là người trực tiếp nhận tiền, viết giấy nợ và ký tên xác nhận. Đến năm 2017, vợ chồng bà Th mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, vợ chồng ông T, bà Th có hứa trả nợ cho tôi nhưng đến nay vẫn không trả.

** Tại biên bản hoà giải ngày 11/3/2019, Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Cả 2 lần trên bà Th là người trực tiếp đứng ra mượn tiền và viết giấy nợ, mặc dù ông T không viết giấy nợ nhưng vì lúc đó vợ chồng ông T còn chung sống hòa thuận và làm ăn rất phát đạt nên bà T mới tin tưởng không yêu cầu ông T ký giấy nợ. Thời gian sau này khi vợ chồng ông T chưa ly hôn, bà T có gặp ông T để yêu cầu trả nợ thì ông T đồng ý trả và hứa sẽ trả dần cho bà T. Tuy nhiên sau đó vợ chồng ông T không trả nợ nên bà T có yêu cầu ông T viết giấy nợ thì ông T không đồng ý, còn thách thức bà T khởi kiện bà Th. Bà T khẳng định đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng nên bà T khởi kiện yêu cầu ông Đặng Ngọc T và bà Võ Thị Thanh Th phải có trách nhiệm trả cho tôi số nợ là 350.000.000đ và 06 cây vàng SJC 9999, không yêu cầu tính lãi.

***** *Bị đơn bà Võ Thị Thanh Th trình bày:* tôi thừa nhận có mượn của cô T số tiền, vàng như cô T trình bày. Đây là khoản nợ riêng của tôi và tôi đồng ý trả cho cô T số nợ trên, không liên quan gì đến ông T. Đối với khoản tiền 500 triệu phần tài sản chung mà ông T chưa đưa đủ cho tôi thì tôi sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Đề nghị Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

***** *Bị đơn ông Đặng Ngọc T trình bày:* Tôi không đồng ý với ý kiến của bà T và vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình tại các bản tự khai trước đây. Tôi hoàn toàn không liên quan gì đến khoản nợ này, tại thời điểm bà Th vay tiền của bà T thì tôi không hề biết, sau này khi bà Th đổ nợ ra thì bà T có gọi điện cho tôi để đòi nợ nhưng tôi nói tôi không biết gì về khoản nợ này, hiện tôi đang ở Hà Nội nên đợi tôi về để giải quyết chứ không phải là tôi nhận trách nhiệm trả nợ.

Sau khi ly hôn, bà Th liên tục gây khó dễ cho tôi trong việc giải quyết tài sản và ủy quyền vay nợ ngân hàng nên giữa tôi và bà Th có thỏa thuận là tôi giao cho bà Th 1 tỷ đồng (nội dung cụ thể như trong giấy thỏa thuận ngày 02/5/2018), với điều kiện là tất cả các món nợ mà bà Th tự vay, trong đó có món nợ của cô T là do bà Th tự trả, không liên quan gì đến tôi. Sau đó tôi đã chuyển tiền cho bà Th nhiều lần, tổng cộng là 500.000.000đ. Như vậy giữa tôi và bà Th đã có chứng cứ xác định đây là nợ riêng của bà Th, bản thân tôi đã thực hiện giao tiền cho bà Th theo đúng thỏa thuận nên đề nghị Tòa xem xét. Tôi đề nghị Tòa xét xử vắng mặt tôi.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị Thanh Th trả cho nguyên đơn 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và 06 lượng vàng SJC 9999 nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hai bên có "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn địa chỉ khu đất tại: thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Ông Đặng Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Võ Thị Thanh Th được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hình thức: Các hợp đồng vay tài sản được hai bên thể hiện bằng văn bản phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung: Tại "Giấy mượn tiền" đề ngày 01/02/2016, thể hiện bà Th có vay của bà T 200.000.000 đồng và 06 lượng vàng SJC 9999; tại "Giấy mượn tiền" đề ngày 01/3/2016, thể hiện bà Th có vay của bà T 150.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần, bà Th vay của bà T là 350.000.000 đồng và 06 lượng vàng SJC 9999. Chỉ duy nhất có chữ ký của bà Th không có chữ ký của ông T. Các bên không thoả thuận lãi và kỳ hạn trả nợ. Vì vậy, có căn cứ để xác định hai bên đã ký kết và thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả nên tiến hành khởi kiện là đủ điều kiện.

[4] Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn cung cấp các giấy vay tiền, vàng thể hiện chỉ có 1 mình bà Th vay số nợ là 350.000.000đ và 06 cây vàng SJC 9999 của nguyên đơn, không có chữ ký của ông T. Nguyên đơn cũng không chứng minh được các khoản tiền, vàng cho bà Th vay đã được bà Th đưa vào sử dụng cho mục đích chung hoặc nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, buộc bà Th phải trả cho nguyên đơn số nợ là 350.000.000đ và 06 cây vàng SJC 9999. Ông T không có trách nhiệm cùng trả nợ với Th. Nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét

[5] Về án phí: Giá vàng SJC 9999 ngày 28/12/2021 là 60.850.000 đồng/lượng x 06 lượng = 365.100.000 đồng. 350.000.000 đồng + 365.100.000 đồng= 715.100.000 đồng. Bà Võ Thị Thanh Th phải chịu 32.604.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm [20.000.000 đồng + 4% x (715.100.000 đồng- 400.000.000 đồng)]. Hoàn trả cho nguyên đơn 13.400.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu số 0009936 ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 119; 463; 466; 469 Bộ luật dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị Thanh Th trả cho nguyên đơn 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và 06 lượng vàng SJC 9999 nợ gốc.

[2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

[3] Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Thanh Th phải chịu 32.604.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (giá vàng SJC 9999 ngày 28/12/2021 là 60.850.000 đồng/chỉ). Hoàn trả cho nguyên đơn 13.400.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu số 000NN ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

**** Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Phú Yên;*
- *VKSND TP. Tuy Hòa;*
- *Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trúc Lâm